TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 38/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26/01/2024.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lò Việt Huấn.

2. Bà Lò Thị Minh.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Hà Văn Yến, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXX-ST ngày 19 tháng 12 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vì Thị H, sinh năm1988.

Địa chỉ: Bản Bó Hiềng, xã Hua Păng, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Bị đơn: A Hà Văn A, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Bản Bó Hiềng, xã Hua Păng, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Tạ Thị Dung, sinh năm 1982 (vợ ông Lại Quy Sơn).

Địa chỉ: Bản Chiềng Cang, xã Hua Păng, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

Ông Tạ Đăng Tuấn, sinh năm 1991 và bà Đào Thị Dung, sinh năm 1991

Địa chỉ: Bản Chiềng Cang, xã Hua Păng, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 11/10/2023, bản tự khai tại Toà án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Vì Thị H trình bày:

Chị Vì Thị H và A Hà Văn A kết hôn với nhau vào ngày 14 tháng 7 năm 2006. Khi kết hôn đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hua Păng, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bên gia đình chị H, sau đó ra ở riêng, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn đánh chửi nhau, Công an xã đã gọi vợ chồng xuống hòa giải. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nguyện vọng của chị H được ly hôn với A Hà Văn A.

- Về con chung: Trong quá trình sinh sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Quỳnh Trang, sinh ngày 21/10/2007 và cháu Hà Mạnh Khương, sinh ngày 25/7/2014. Khi ly hôn nguyện vọng của chị H là được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị yêu cầu A Hà Văn A phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị, nuôi cháu Khương 1.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, không kê khai, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận thA toán, không kê khai, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí: Chị H xin nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

- Bị đơn Anh Hà Văn A trình bày:

Về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, về con chung A A nhất trí như chị H đã trình bày.

Về nguyên nhân mâu thuẫn A A khai, cuộc sống chung vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, A nghi chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Hiện nay vợ chồng A đã sống ly thân với nhau. Tuy nhiên xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, nguyện vọng của A A muốn vợ chồng quay lại đoàn tụ với nhau để cùng nhau nuôi dậy con cái.

- Về con chung: Trường hợp phải ly A xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hà Mạnh Khương đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Còn cháu Hà Quỳnh Trang

thì chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bên nào.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia với nhau.

- Về vay nợ chung: Vợ chồng có một số nợ chung, vợ chồng sẽ tự thỏa thuận với nhau, nếu không thỏa thuận được với nhau thì mới yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Bị đơn đã được Tòa án thực hiện việc giao nộp tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ, đã có bản tự khai, không có yêu cầu phản tố.

Sau phiên hòa giải, các lần báo gọi tiếp theo bị đơn A Hà Văn A đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị HĐXX, căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vì Thị H; Xử cho chị Vì Thị H được ly hôn với A Hà Văn A.

2. Về con chung:

- Giao cháu Hà Quỳnh Trang, sinh ngày 21/10/2007 và cháu Hà Mạnh Khương, sinh ngày 25/7/2014 cho chị Vì Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Chấp nhận việc chị Vì Thị H thay đổi ý kiến không yêu cầu A Hà Văn A phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đề cập việc giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chấp nhận việc các bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

4. Về nợ chung: Chấp nhận việc các bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

5.Về án phí: Chị Vì Thị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện Mộc Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả trA tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các yêu cầu cho việc khởi kiện, đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn.

Bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, đã có bản tự khai trình bày nguyện vọng về tình cảm, về con chung, về tài sản chung, nợ chung, không có đơn yêu cầu phản tố với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Tuy nhiên sau phiên hoà giải lần 01, các lần báo gọi tiếp theo A Hà Văn A đều không có mặt. Nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành xác minh với chính quyền địa phương được biết.

Sau khi kết hôn A A về chung sống ở bản Bó Hiềng, xã Hua Păng, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La bên nhà chị H.

Về mâu thuẫn là do A A ghen tuông vô cớ hay đánh chửi chị H.

Các văn bản Tố tụng của Tòa án gửi cho A A, Ban quản bản đều đã nhận được và đã giao cho A A đúng thời gian quy định.

Căn cứ khoản điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu thụ lý và xét xử là đúng quy định của của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa A Phong và chị Quyết đã tuân thủ các quy định của Luật hôn nhân và gia đình, do đó được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do A Hà Văn A hay ghen tuông vô cớ từ đó trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin được ly hôn với A A. Mặc dù A A có nguyện vọng đoàn tụ nhưng chưa có giải pháp. Các lần Tòa án báo gọi A A đều cố tình vắng mặt, cho thấy A A không có thiện chí đoàn tụ, việc xin đoàn tụ chỉ là gây khó khăn cho chị H.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và A A đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được cần xử cho chị H được ly hôn với A A.

Về con chung: Tự khi chị H và A A sống ly thân với nhau, hai cháu Hà Quỳnh Trang và cháu Hà Mạnh Khương vẫn do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, Tòa án cũng đã ghi ý kiến các cháu các cháu đều có nguyện vọng sau khi chị H và A A ly hôn, các cháu xin được ở với chị H.

Do đó cần giao Hà Quỳnh Trang, sinh ngày 21/10/2007 và cháu Hà Mạnh Khương, sinh ngày 25/7/2014 cho chị Vì Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Tại phiên tòa chị H thay đổi ý kiến không yêu cầu A Hà Văn A phải đóng góp tiền nuôi con cùng chị, xét là tự nguyện nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung:

Do các bên đương sự không kê khai mà đều có nguyện vọng tự thỏa thuận, nên không đề cập việc giải quyết.

[4] Về vay nợ chung: Như A A trình bày còn nợ của gia đình ông Lại Văn Sơn số tiền 30.000.000đ và nợ ông Tạ Đăng Tuấn và bà Đào Thị Dung 4.000.000đ.

Tòa án đã tiến hành xác minh với bà Tạ Thị Dung (vợ ông Sơn) trình bày.

Ngày 16/01/2023 A Hà Văn A có mua hàng hóa với gia đình bà số nợ là 1.000.000đ.

Ngày 25/01/2023 A Hà Văn A có mua hàng hóa với gia đình bà số nợ là 400.000đ.

Ngày 17/02/2023 A Hà Văn A có mua hàng hóa với gia đình bà số nợ là 550.000đ.

Tổng nợ là 1.950.000đ.

Bà Dung cũng xác định đây là khoản nợ riêng của A A, không liên quan đến chị H. Bà Dung cũng không yêu cầu Tòa án phải giải quyết mà bà với A A sẽ tự giải quyết với nhau.

Ông Tạ Đăng Tuấn và bà Đào Thị Dung trình bày.

Ngày 30/4/2023 A A và chị H có đến của hàng gia đình ông bà mua giường, tủ là 7.000.000đ đã trả hết, hiện nay A A và chị H không còn nợ gì với gia đình ông Tuấn và bà Dung.

Như vậy việc A Hà Văn A khai về khoản nợ chung là không có, còn khoản nợ gia đình ông bà Dung (Sơn) là khoản nợ cá nhân A A, nên A A phải chịu trách nhiệm trả cho bà Dung (ông Sơn) số tiền là 1.950.000đ (Một triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng). Quá trình giải quyết bà Dung không yêu cầu Tòa án phải giải quyết khoản nợ này, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vì Thị H phải chịu án phí Dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Vì Thị H được ly hôn với A Hà Văn A được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Quỳnh Trang, sinh ngày 21/10/2007 và cháu Hà Mạnh Khương, sinh ngày 25/7/2014 cho chị Vì Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Do chị Vì Thị H không yêu cầu A Hà Văn A phải góp tiền nuôi con cùng chị nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Do các bên đương sự không kê khai mà đều có nguyện vọng tự thỏa thuận, nên không đề cập việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vì Thị H phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DS/ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn) tạm ứng án phí mà chị Vì Thị H đã nộp thay theo biên lai thu tiền số 0000415, ngày 14/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mộc Châu;
- Chi cục thi hành án DS Mộc Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Hua Păng, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu: Văn phòng.

TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh